

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Dược phẩm Trung ương 3

Ngày 30/06/2025	53,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.4%	-8.9%	-3.4%

DT thuần Q2/25
94.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.30 2.6%
YoY: ▼7.80 -7.6%

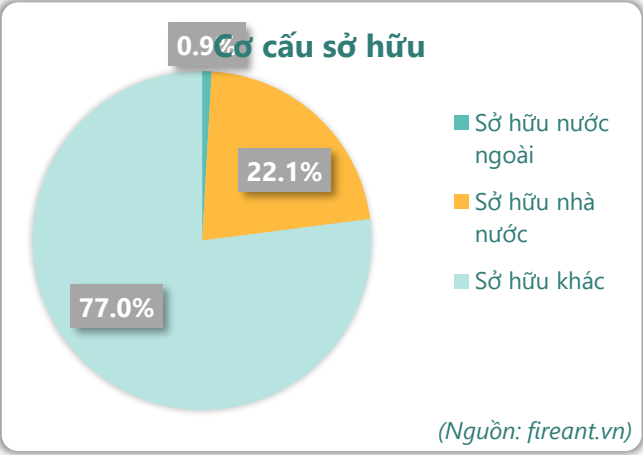
LN thuần Q2/25
41.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.5 39.0%
YoY: ▲ 5.70 16.2%

LN sau thuế Q2/25
32.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.20 34.3%
YoY: ▲ 4.40 15.9%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
43.6%
YoY: +/- ▲ 11.0%

ROE (TTM) Q2/25
26.6%
YoY: +/- ▲ 2.8%

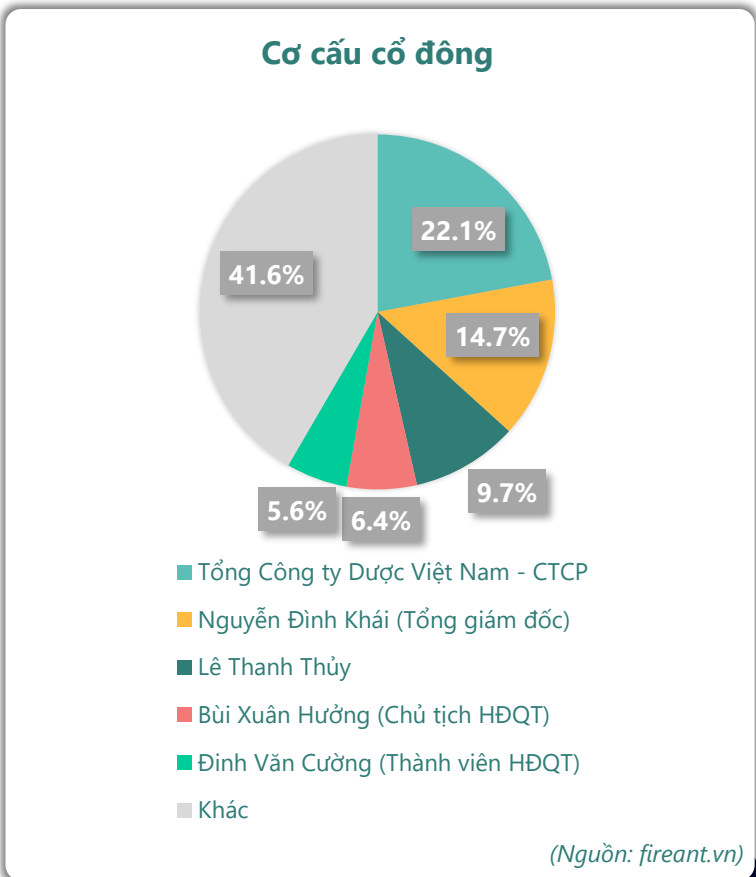
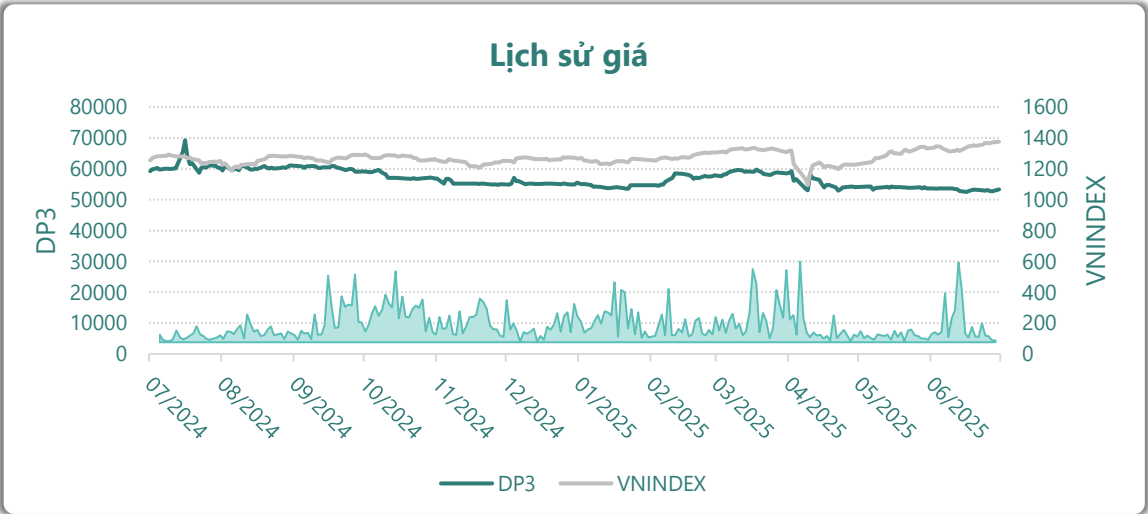
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	52,500 - 69,277
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,146
Số lượng CPLH (CP)	21,499,933
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,620
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	0.67
EPS	5,924
P/E	9.0



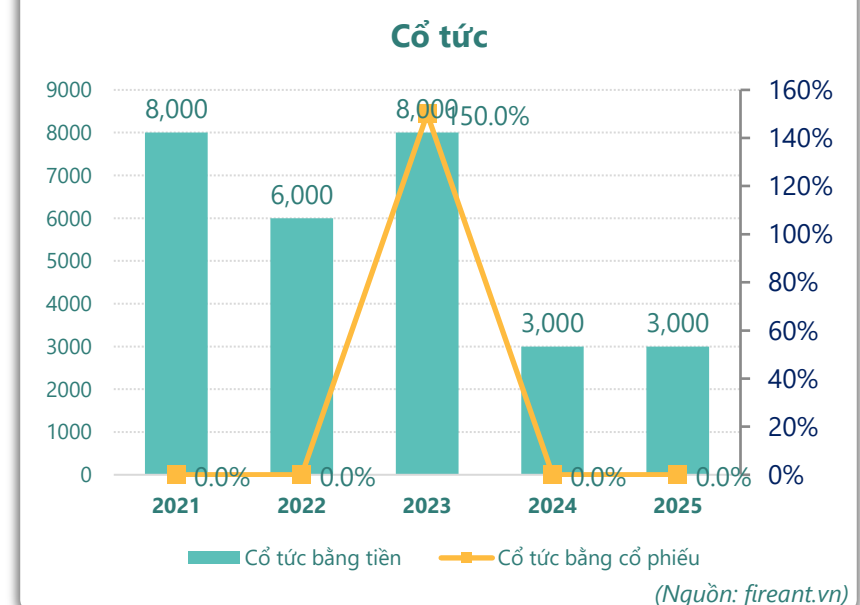
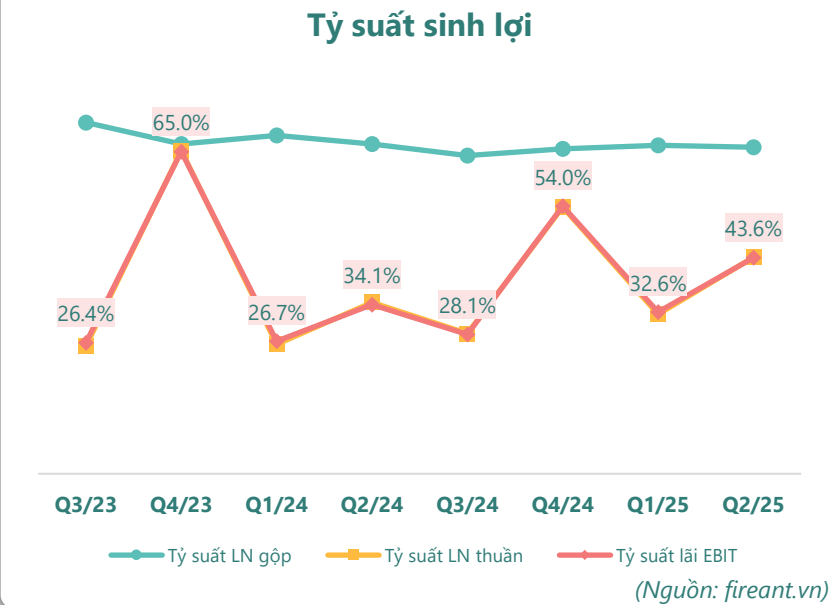
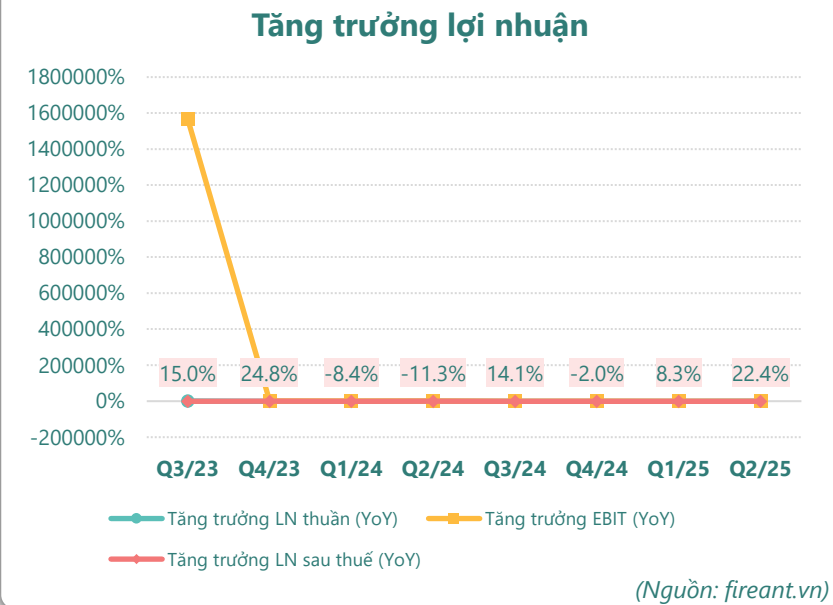
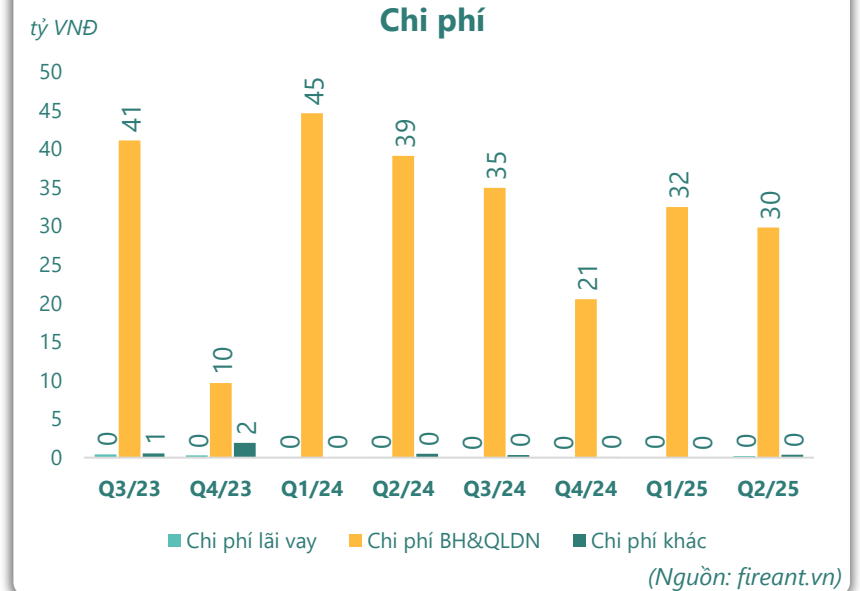
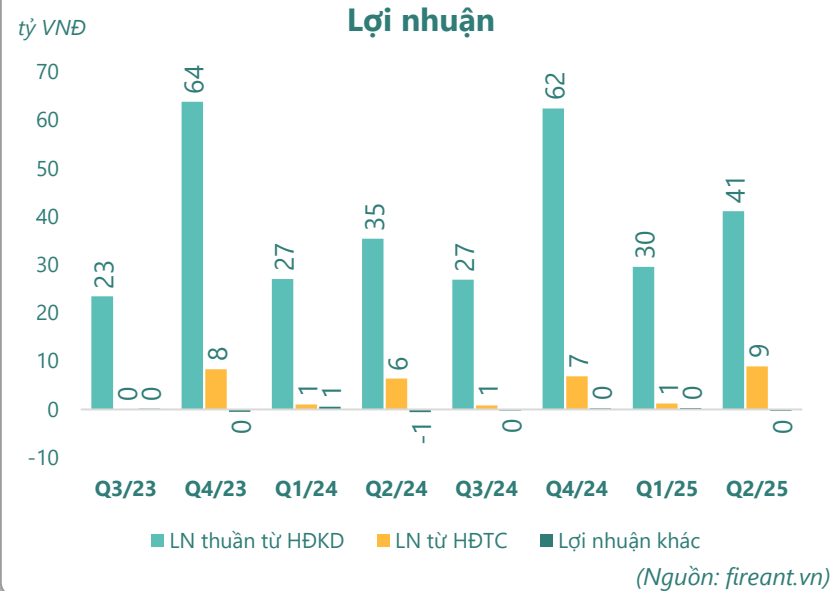
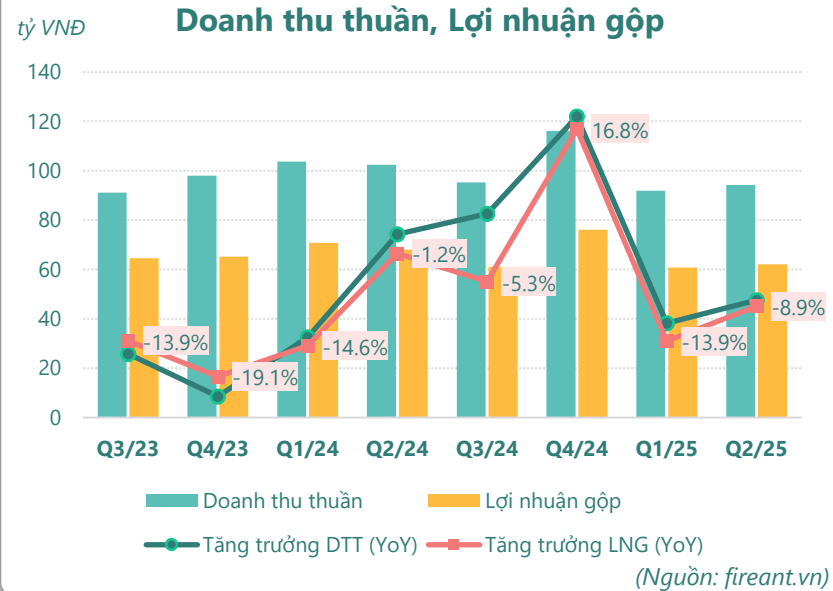
DT thuần 6T 2025
186
tỷ VNĐ
YoY: ▼20.0 -9.7%

LN thuần 6T 2025
70.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.30 13.2%

LN sau thuế 6T 2025
56.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.20 12.4%



KẾT QUẢ KINH DOANH

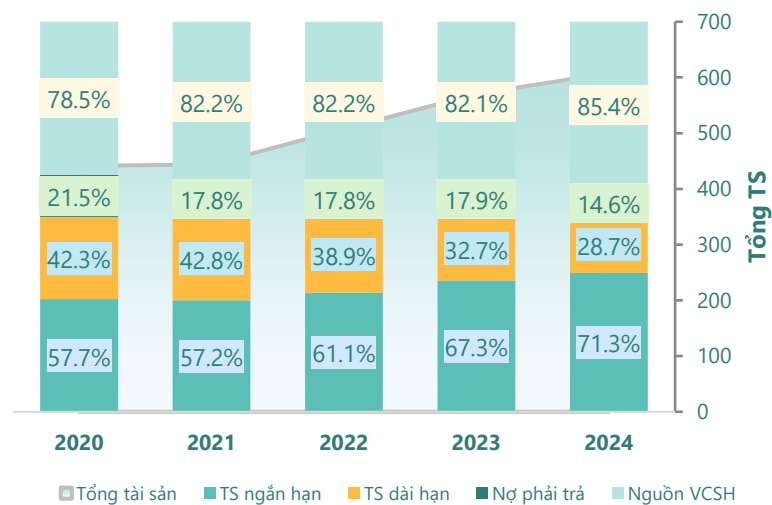




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

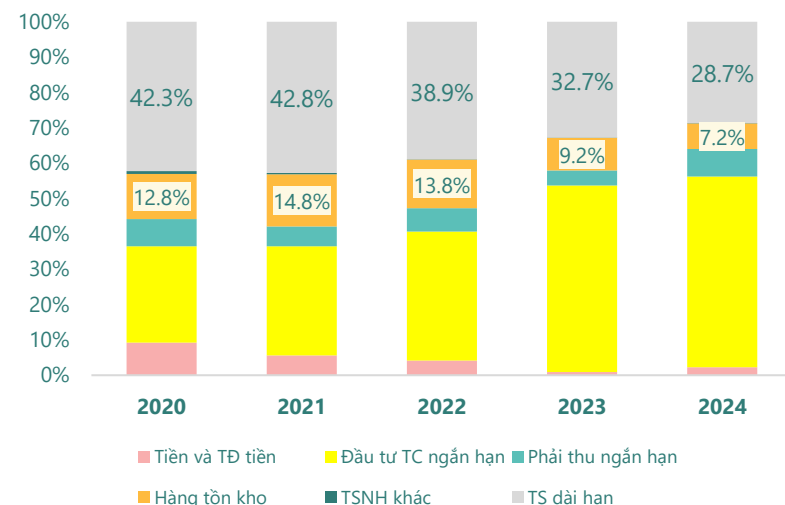
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

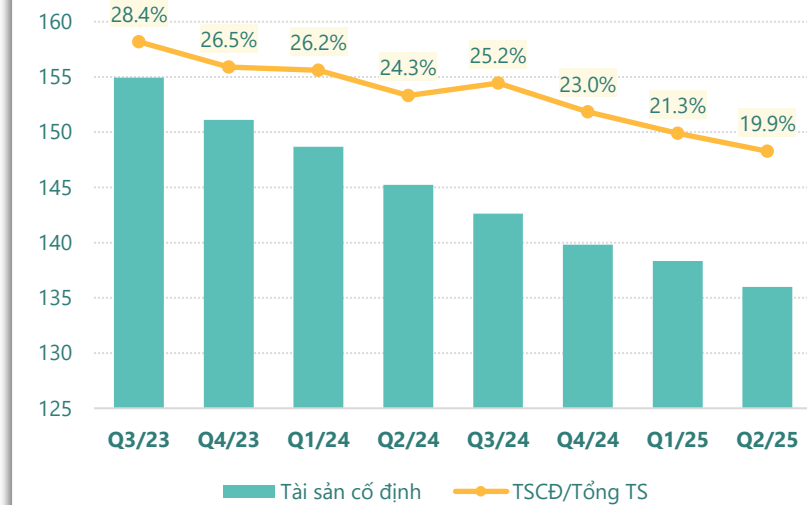
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

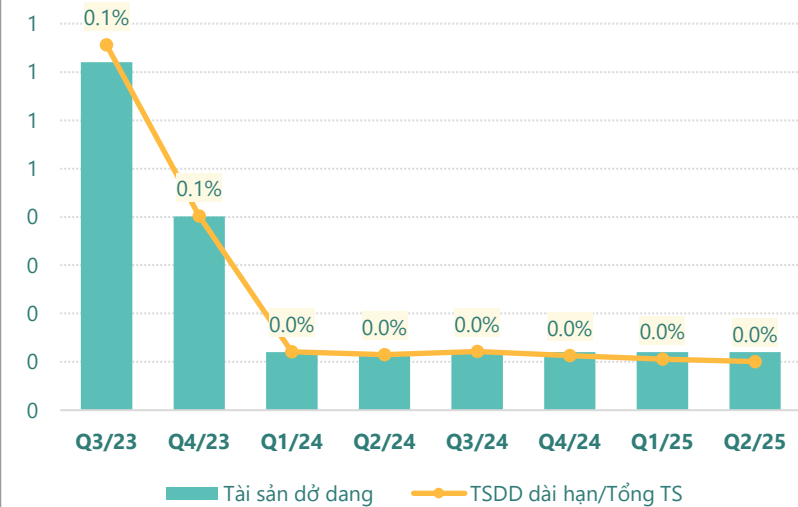
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

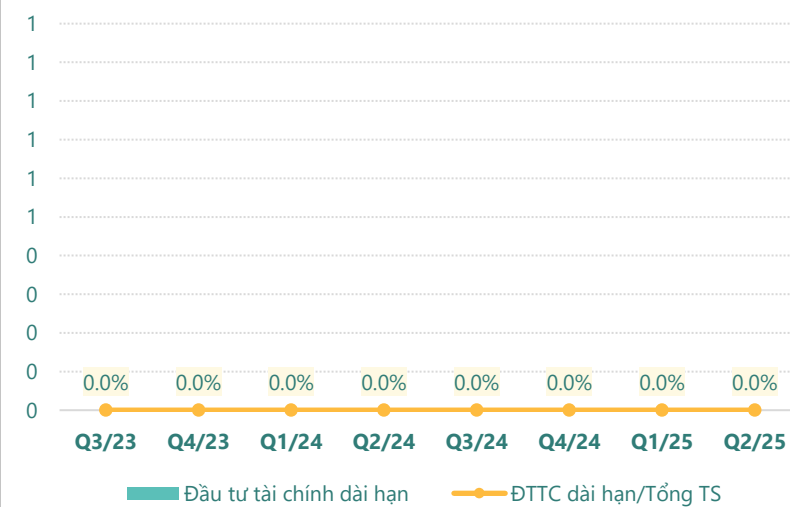
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

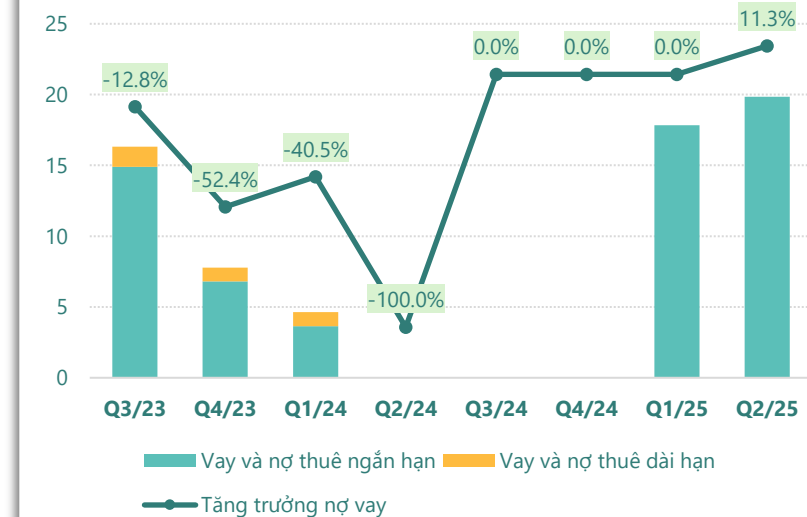
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

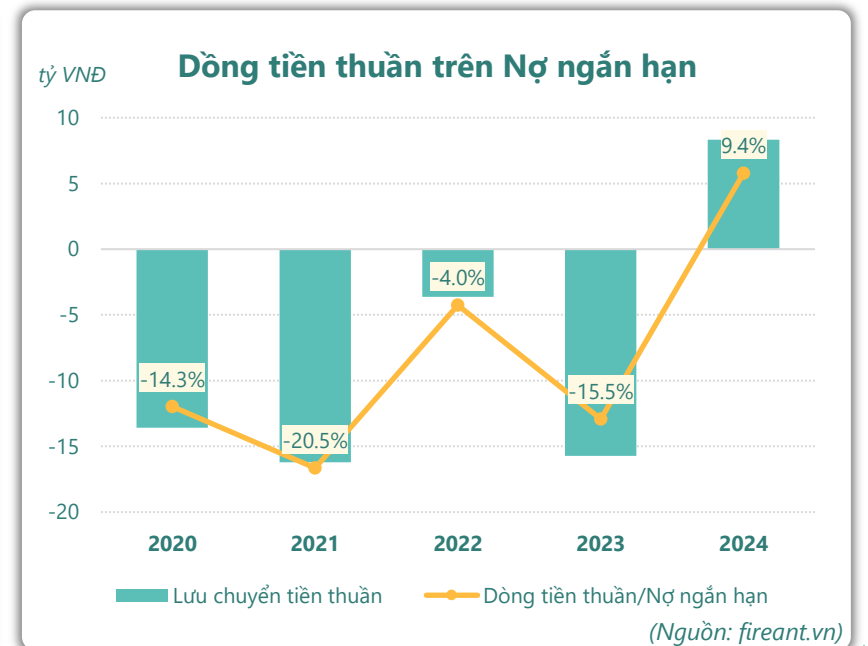
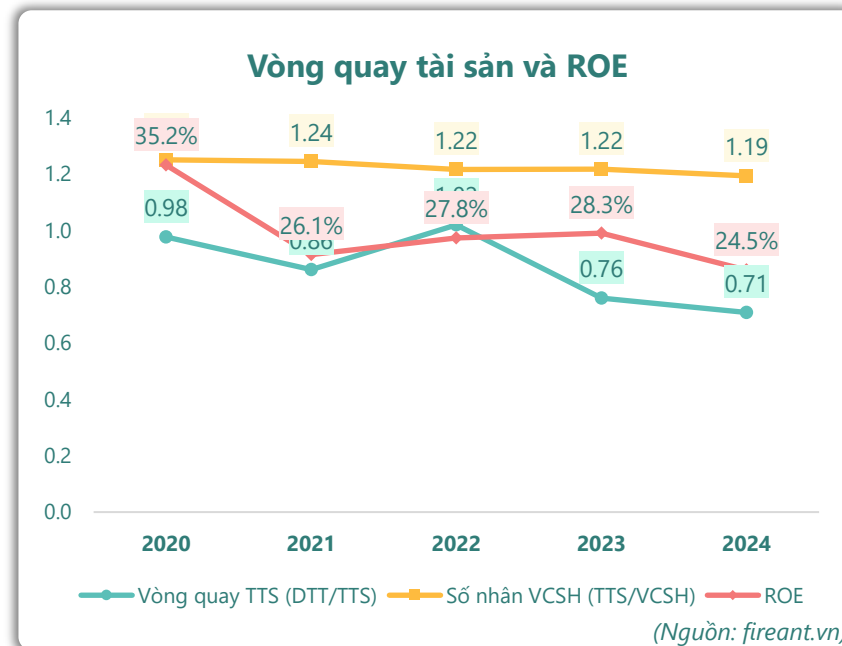
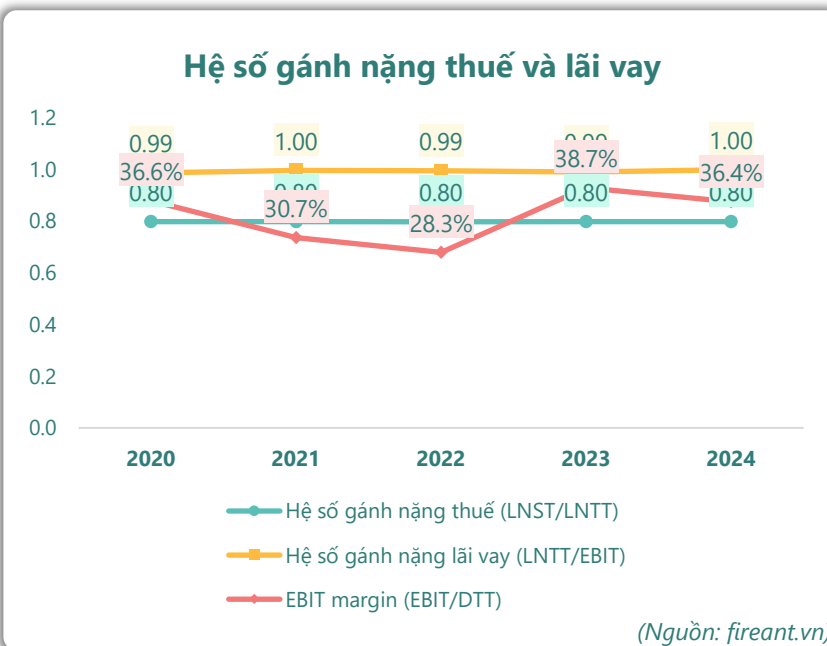
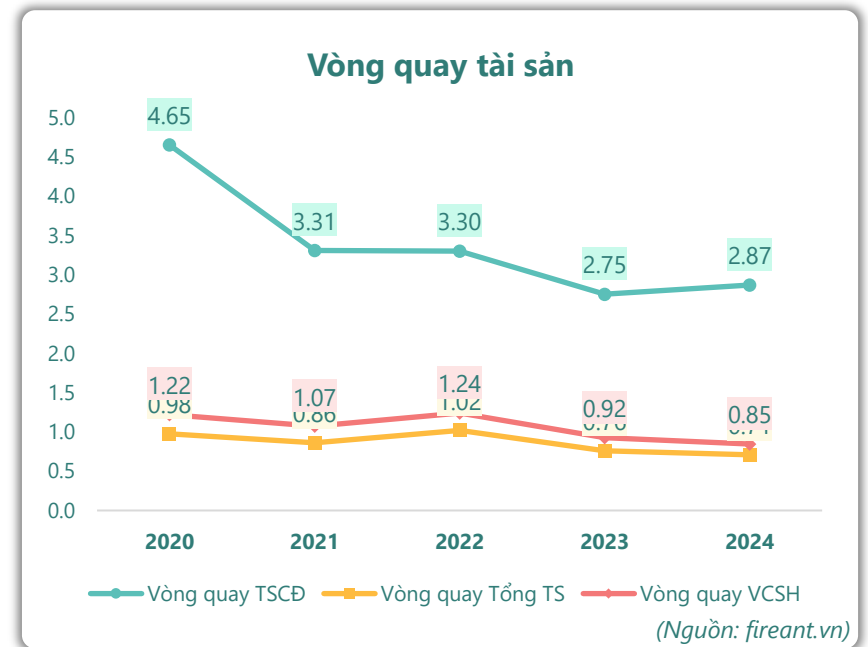
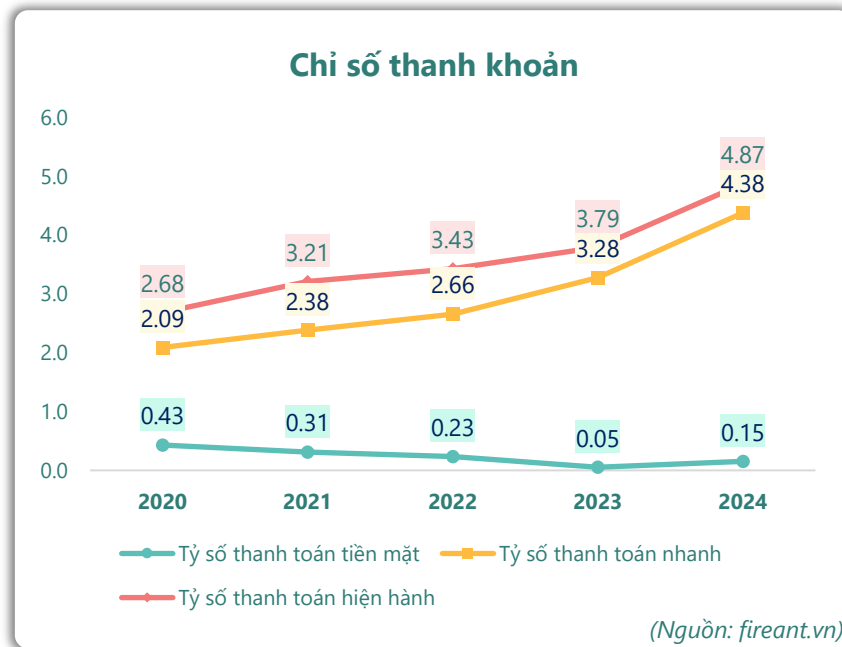
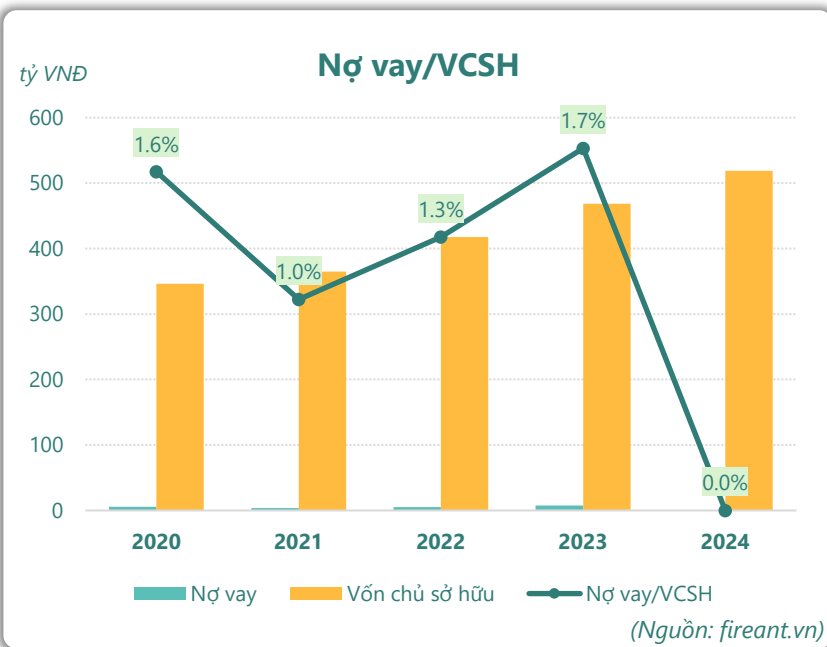
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	94.2	102	-7.6%	186	206	-9.7%
Giá vốn hàng bán	32.2	34.3	-6.1%	63.2	67.3	-6.0%
Lợi nhuận gộp	62.0	68.1	-8.9%	123	139	-11.5%
Doanh thu HĐTC	9.24	6.61	39.8%	10.5	7.70	36.5%
Chi phí TC	0.30	0.17	74.2%	0.36	0.26	37.6%
Chi phí lãi vay	0.24	0.08	194%	0.30	0.16	85.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	23.7	32.1	-26.2%	51.4	66.1	-22.2%
Chi phí QLDN	6.16	7.08	-12.9%	10.9	17.7	-38.5%
LN thuần từ HĐKD	41.1	35.4	16.2%	70.7	62.4	13.2%
Lợi nhuận khác	-0.32	-0.53	40.1%	0.00	0.03	-85.8%
LN trước thuế	40.8	34.9	17.0%	70.7	62.5	13.2%
Lợi nhuận sau thuế	32.1	27.7	15.9%	56.0	49.8	12.4%
LNST của CĐ cty mẹ	32.1	27.7	15.9%	56.0	49.8	12.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.43	30.0	36.2	43.1	23.4	57.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	18.7	-9.63	10.6	-39.0	-35.2	-30.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.19	-4.63	-63.3	-2.03	-0.01	-22.8
Tiền đầu kỳ	5.37	12.4	28.2	11.7	13.7	1.89
Lưu chuyển tiền thuần	7.07	15.7	-16.5	2.02	-11.8	4.20
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	12.4	28.2	11.7	13.7	1.89	6.09

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	682	608	12.2%
Tài sản ngắn hạn	511	433	17.9%
Tiền và tương đương tiền	68.7	13.7	401%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	337	328	2.6%
Phải thu ngắn hạn	54.9	47.2	16.3%
Hàng tồn kho	50.1	43.9	14.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.74	0.50	48.4%
Tài sản dài hạn	171	174	-2.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	136	140	-2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.12	0.12	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	34.5	34.5	0.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	171	88.9	92.7%
Nợ ngắn hạn	171	88.9	92.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.8	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	6.29	7.64	-17.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	510	519	-1.6%
Vốn chủ sở hữu	510	519	-1.6%
Vốn điều lệ	215	215	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

